TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 172/2017/DS-ST
Ngày: 15/8/2017
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Xuân

2. Bà Trần Thị Hoài Ân

Thư ký phiên Tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 11.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tham gia phiên tòa: Bà Trương Võ Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2017/TLST-DS ngày 16/01/2017 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 48/2017/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa 40/2017/QĐST-DS ngày 27 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Tuấn K, sinh năm 1965; địa chỉ: 451 đường H, Phường M, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: 162/20/7 đường A, Phường D, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1938; bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1960; bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1967; bà Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh năm 1970; cùng địa chỉ: 382 đường H, Phường M, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/12/2016, các bản tự khai của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 12 tháng 6 năm 2015, ông K cho bà Nguyễn Thị L và các con gồm (bà Nguyễn Thị Ngọc H, bà Nguyễn Thị Ngọc L, bà Nguyễn Thị Ngọc H1) vay số tiền là 530.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng, không có lãi, bà L và các con sẽ

trả một lần cho ông K số tiền 530.000.000 đồng vào ngày 12/7/2015. Để làm tin, bà L và các con ký kết hợp đồng cầm cố nhà ngày 12/6/2015; nhưng thực chất đây là hợp đồng vay tiền chứ không phải là hợp đồng cầm cố nhà vì ông K không nhận nhà hay giữ bất cứ giấy tờ nhà của bà L và các con. Tuy nhiên, đến ngày 12/7/2015, bà L và các con cố tình tránh mặt, không chịu trả tiền cho ông K.

Sau nhiều lần liên hệ, bà L và các con không chịu trả tiền, nay ông K yêu cầu Tòa án buộc bà L và các con trả một lần cho ông K số tiền 530.000.000 đồng, không yêu cầu bà L và các con trả lãi.

Tòa án nhân dân Quận 11 đã tổ chức cho các bên đương sự hòa giải để giải quyết tranh chấp trên, nhưng do bị đơn vắng mặt không đến Toà án để hòa giải nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về nội dung giải quyết vụ án như sau: Trong quá trình giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; nguyên đơn, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành nhưng đã được Tòa án thực hiện thủ tục niêm yết hợp lệ, quyền và lợi ích hợp pháp được đảm bảo. Tuy nhiên, Thẩm phán vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Về nội dung đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có nhận định:

Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa ông Trần Tuấn K và bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Ngọc H, bà Nguyễn Thị Ngọc L, bà Nguyễn Thị Ngọc H1) là tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Theo kết quả xác minh của Công an Phường B, Quận Z thì bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1938; bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1960; bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1967; bà Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh năm 1970 có hộ khẩu thường trú tại 382 đường H, Phường M, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện nay bốn nhân khẩu trên không cư trú tại địa phương từ năm 2015, hiện không rõ nơi cư trú mới. Căn cứ Điểm a Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án, thì "trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú,

làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tống đạt được cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan". Do bị đơn là bà Nguyễn Thị L; bà Nguyễn Thị Ngọc H; bà Nguyễn Thị Ngọc L; bà Nguyễn Thị Ngọc H1 có hộ khẩu tại Quận 11 và việc đi khỏi địa phương không báo cho người khởi kiện biết căn cứ theo Điểm a, Khoản 1, Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 cho nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vắng mặt không đến Toà án mà không có lý do dù Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo đúng quy định pháp luật. Ngày 08/8/2017 nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về yêu cầu của nguyên đơn: Xét hợp đồng cầm cố nhà ngày 12/6/2015 được ký kết giữa ông Trần Tuấn K và bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Ngọc H, bà Nguyễn Thị Ngọc L, bà Nguyễn Thị Ngọc H1 có nội dung cầm cố căn nhà tọa lạc tại địa chỉ số 382 đường H, Phường M, Quận Z với giá tiền thỏa thuận là 530.000.000 đồng, thời hạn cầm 01 tháng, phương thức thanh toán vào ngày 12/7/2015 bên A (bên cầm nhà) có nghĩa vụ hoàn trả cho bên B (bên cho vay) một lần bằng tiền mặt, số tiền 530.000.000 đồng. Tuy nhiên, khi ký hợp đồng nêu trên nguyên đơn đã không nhận bàn giao căn nhà hay giữ giấy tờ nhà mà chỉ giao tiền cho bà L và các con. Theo kết quả xác minh của Công an Phường 1, Quận 11 cho biết căn nhà trên hiện nay đóng cửa. Như vậy, xét về bản chất của hợp đồng nêu trên thể hiện ngày 12/6/2015, ông Trần Tuấn K có cho bà L và các con vay số tiền là 530.000.000 đồng, không ghi lãi suất, thời hạn là 01 tháng, đến ngày 12/7/2015 bà L và các con phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền là 530.000.000 đồng. Căn cứ theo quy định tại Điều 478 Bộ Luật dân sự 2005 thì đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không lãi suất. Theo thỏa thuận của các bên trong hợp đồng vay tài sản nêu trên khoản vay đã đến hạn. Căn cứ Khoản 1 Điều 474 Bộ Luật dân sự 2005 "Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn". Do đó về yêu cầu của ông K yêu cầu bà L, bà H, bà NL, bà H1 phải trả số nợ 530.000.000 đồng đã vay là có cơ sở.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 11 đã ban hành thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và phiên hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ ghi rõ nội dung khởi kiện của nguyên đơn cũng như các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp và gửi cho bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Ngọc H, bà Nguyễn Thị Ngọc L, bà Nguyễn Thị Ngọc H1. Các tài liệu vừa nêu Tòa án đã niêm yết theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà L, bà H, bà NL, bà H1 cố tình vắng mặt và không có văn bản phản hồi ý kiến đối với nội dung trình bày của nguyên đơn. Do vậy, theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì những tài liệu chứng cứ mà

nguyên đơn đưa ra nhưng phía bị đơn không có ý kiến phản đối thì nguyên đơn không có nghĩa vụ phải chứng minh, chứng cứ này được xem là có giá trị và được sử dụng làm căn cứ để giải quyết vụ án. Việc bị đơn không đến Tòa án là đã từ bỏ quyền được chứng minh, phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn về số nợ được chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Ngọc H, bà Nguyễn Thị Ngọc L, bà Nguyễn Thị Ngọc H1 có nghĩa vụ trả cho ông Trần Tuấn K số tiền 530.000.000 đồng (năm trăm ba mươi triệu) đồng, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và L phí tòa án, bị đơn phải chịu án phí trên số tiền mà nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận (530.000.000 đồng) số tiền án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu là 25.200.000 đồng (hai mươi lăm triệu hai trăm nghìn) đồng, nộp tại Chi Cục thi hành án dân sự Quận 11.

Hoàn trả số tiền án phí đã nộp là 12.600.000 đồng (mười hai triệu sáu trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AG/2014/0003734 ngày 06/01/2017 của Chi Cục thi hành án dân sự Quận 11 cho ông Trần Tuấn K

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 267 của Bộ Luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 474 và Điều 478 của Bộ Luật Dân sự 2005; Điều 357 của Bộ luật Dân sự 2015

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Tuấn K buộc bà Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Ngọc H, bà Nguyễn Thị Ngọc L, bà Nguyễn Thị Ngọc H1 trả cho ông Trần Tuấn K số tiền 530.000.000 đồng (năm trăm ba mươi triệu) đồng, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trong trường hợp bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Ngọc H, bà Nguyễn Thị Ngọc L, bà Nguyễn Thị Ngọc H1 chậm thực hiện nghĩa vụ nêu trên thì bà L, H, L, Ngọc còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả cho ông K theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Ngọc H, bà Nguyễn Thị Ngọc L, bà Nguyễn Thị Ngọc H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 25.200.000 đồng (hai mươi lăm triệu hai trăm nghìn) đồng, nộp tại Chi Cục thi hành án dân sự Quận 11.

Hoàn trả số tiền án phí đã nộp là 12.600.000 đồng (mười hai triệu sáu trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AG/2014/0003734 ngày 06/01/2017 của Chi Cục thi hành án dân sự Quận 11 cho ông Trần Tuấn K.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bị đơn nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lại Thị Thu Thủy